

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18TPM

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú	
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
				10%					30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1	1		(10)				
1	1813119326	Trần Việt Anh	N18TPM1	10	9	7	8		8.0	8.5	8.5	Tám thấy	
2	1813119329	Nguyễn Quang Bảo	N18TPM1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
3	1813119332	Lưu Thanh Bình	N18TPM1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
4	1813119336	Huỳnh Bá Danh	N18TPM1	8	6	5	5		5.3	7	6.6	Sáu thấy Sáu	
5	1813119345	Nguyễn Thành Đạt	N18TPM1	7	6	5	5		5.3	6	5.9	Năm thấy	
6	1813119340	Lâm Ngọc Duy	N18TPM1	10	9	7	8		8.0	9	8.8	Tám thấy	
7	1813119351	Vũ Hồng Giáp	N18TPM1	10	7	8	8		7.7	6.5	7.2	Bảy thấy Hai	
8	1813119353	Bùi Văn Hà	N18TPM1	9	5	5	5		5.0	4	0.0	Không	
9	1813119356	Bùi Hoàng Hải	N18TPM1	7	6	4	8		6.0	7	6.7	Sáu thấy Bảy	
10	1813119366	Nguyễn Trung Hiếu	N18TPM1	10	8	7	9		8.0	9	8.8	Tám thấy	
11	1813119367	Nguyễn Quang Hòa	N18TPM1	8	7	6	8		7.0	5	5.9	Năm thấy	
12	1813119369	Tăng Thiện Hoàng	N18TPM1	10	6	5	7		6.0	6	6.4	Sáu thấy	
13	1813119371	Phan Trọng Hoàng	N18TPM1	9	5	7	6		6.0	5	5.7	Năm thấy	
14	1813119372	Ngô Khánh Hoàng	N18TPM1	10	7	7	7		7.0	9	8.5	Tám thấy	
15	1813119373	Nguyễn Quang Minh Hoàng	N18TPM1	9	8	7	9		8.0	9	8.7	Tám thấy	
16	1813119380	Nguyễn Duy Hưng	N18TPM1	9	6	4	8		6.0	4	0.0	Không	
17	1812119382	Phạm Thị Hương	N18TPM1	10	7	7	7		7.0	6.5	7.0	Bảy	
18	1813119383	Huỳnh Công Khá	N18TPM1	10	10	6	8		8.0	7	7.6	Bảy thấy Sáu	
19	1813119389	Lương Tuấn Kiệt	N18TPM1	10	5	5	6		5.3	5	5.6	Năm thấy	
20	1812119390	Bríu Hồng Lê	N18TPM1	9	7	6	8		7.0	4	0.0	Không	
21	1813119391	Trương Tùng Linh	N18TPM1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
22	1813119393	Hồ Văn Bảo Linh	N18TPM1	10	8	9	7		8.0	2.5	0.0	Không	
23	1813119398	Trần Đức Minh	N18TPM1	10	8	7	9		8.0	6.5	7.3	Bảy thấy Ba	
24	1813119400	Nguyễn Thành Nam	N18TPM1	9	7	6	6		6.3	V	0.0	Không	
25	1813119401	Trương Minh Nghĩa	N18TPM1	9	7	8	9		8.0	7.5	7.8	Bảy thấy	
26	1813119402	Hồ Trọng Nghĩa	N18TPM1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
27	1813119404	Nguyễn Ngọc	N18TPM1	10	7	7	8		7.3	5	6.2	Sáu thấy Hai	
28	1813119411	Lê Đại Phát	N18TPM1	9	7	5	6		6.0	5	5.7	Năm thấy	
29	1813119412	Đặng Văn Xuân Phát	N18TPM1	9	5	4	6		5.0	5	5.4	Năm thấy	
30	1813119421	Nguyễn Văn Phước	N18TPM1	9	5	6	7		6.0	7	6.9	Sáu thấy	
31	1813119441	Nguyễn Hồ Tây	N18TPM1	10	5	7	6		6.0	5.5	6.1	Sáu thấy	
32	1813119442	Ung Ngọc Thạch	N18TPM1	10	7	6	8		7.0	6	6.7	Sáu thấy Bảy	
33	1813119449	Phan Châu Thành	N18TPM1	10	6	7	8		7.0	8	7.9	Bảy thấy	
34	1813119450	Đặng Hoàng Việt Thành	N18TPM1	10	9	7	8		8.0	9	8.8	Tám thấy	
35	1813119453	Phan Thảo	N18TPM1	9	5	7	9		7.0	6.5	6.9	Sáu thấy	
36	1813119455	Trần Gia Thịnh	N18TPM1	7	5	5	5		5.0	6	5.8	Năm thấy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18TPM

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
37	1813119459	Nguyễn Huy Toàn	N18TPM1	6	5	5	8		6.0	8	7.2	Bảy phẩy Hai	
38	1813119461	Nguyễn Đức Văn Toàn	N18TPM1	6	6	7	5		6.0	0	0.0	Không	
39	1813119466	Đặng Ngọc Điền Trung	N18TPM1	10	7	7	6		6.7	V	0.0	Không	
40	1813119470	Hồ Anh Tuấn	N18TPM1	8	6	6	6		6.0	5	5.6	Năm phẩy	
41	1813119473	Nguyễn Văn Tùng	N18TPM1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
42	1812119475	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	N18TPM1	3	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	
43	1813119478	Trần Nhật Vinh	N18TPM1	8	8	6	7		7.0	8	7.7	Bảy phẩy	
44	1813119480	Nguyễn Tuấn Vũ	N18TPM1	9	6	5	7		6.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
45	1813119481	Phạm Nguyên Vũ	N18TPM1	9	6	7	5		6.0	4	0.0	Không	
46	1813119337	Ngô Thọ Di	N18TPM2	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
47	1813119349	Lê Đức Đức	N18TPM2	9	7	7	6		6.7	3.5	0.0	Không	
48	1813119350	Võ Minh Đức	N18TPM2	10	8	7	6		7.0	4.5	0.0	Không	
49	1813119358	Ngô Thanh Hải	N18TPM2	7	5	5	6		5.3	3.5	0.0	Không	
50	1813119361	Lê Văn Hiên	N18TPM2	9	7	7	6		6.7	5	5.9	Năm phẩy	
51	1813119377	Trần Quốc Huy	N18TPM2	10	7	6	8		7.0	5.5	6.4	Sáu phẩy	
52	1813119385	Nguyễn Văn Tường Khoa	N18TPM2	9	6	7	8		7.0	5	6.0	Sáu	
53	1813119387	Nguyễn Hồng Khoa	N18TPM2	4	5	5	5		5.0	3	0.0	Không	
54	1813119394	Ngô Thanh Long	N18TPM2	6	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	
55	1813119405	Trần Bảo Ngọc	N18TPM2	9	6	7	6		6.3	5	5.8	Năm phẩy	
56	1813119407	Lê Kế Nhật	N18TPM2	9	6	7	7		6.7	6.5	6.8	Sáu phẩy	
57	1813119409	Trần Văn Nhó	N18TPM2	8	6	6	6		6.0	5	5.6	Năm phẩy	
58	1813119416	Trần Văn Phúc	N18TPM2	10	7	7	6		6.7	5	6.0	Sáu	
59	1813119423	Huỳnh Tấn Phước	N18TPM2	9	6	6	6		6.0	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
60	1812119425	Lương Thị Phương	N18TPM2	9	7	6	6		6.3	5	5.8	Năm phẩy	
61	1813119426	Nguyễn Đình Phương	N18TPM2	9	7	7	7		7.0	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
62	1813119429	Huỳnh Trần Anh Quân	N18TPM2	9	7	6	7		6.7	6	6.5	Sáu phẩy	
63	1813119428	Trần Bá Quang	N18TPM2	5	5	5	5		5.0	6.5	5.9	Năm phẩy	
64	1813119431	Phạm Văn Quý	N18TPM2	7	6	5	5		5.3	6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
65	1813119432	Nguyễn Đình Phi Sa	N18TPM2	6	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	
66	1813119433	Ngô Thành Sang	N18TPM2	8	6	7	5		6.0	7.5	7.1	Bảy phẩy	
67	1813119437	Phạm Đức Tài	N18TPM2	9	6	7	7		6.7	5	5.9	Năm phẩy	
68	1813119438	Nguyễn Ngọc Tâm	N18TPM2	8	6	6	6		6.0	6.5	6.5	Sáu phẩy	
69	1813119439	Phan Duy Tân	N18TPM2	8	6	6	6		6.0	6.5	6.5	Sáu phẩy	
70	1813119454	Lê Thừa Dương Thắng	N18TPM2	10	7	7	7		7.0	6.5	7.0	Bảy	
71	1813119447	Phạm Tấn Thanh	N18TPM2	6	5	5	5		5.0	4	0.0	Không	
72	1813119460	Ngô Vũ Toàn	N18TPM2	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
73	1813119463	Phan Công Trí	N18TPM2	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
74	1813119465	Nguyễn Bá Trịnh	N18TPM2	4	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 02/01/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TOÁN CAO CẤP

MTH 2100

Lớp: N18TPM

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
75	1813119468	Trần Duy	Tuấn	N18TPM2	10	6	7	8		7.0	7	7.3	Bảy phẩy Ba	
76	1813119471	Nguyễn Hữu Anh	Tuấn	N18TPM2	10	6	7	7		6.7	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
77	1813119474	Nguyễn Thế	Tùng	N18TPM2	9	5	6	5		5.3	5	5.5	Năm phẩy	
78	1813119327	Phạm Tuấn	Anh	N18TPM3	8	6	6	6		6.0	5	5.6	Năm phẩy	
79	1813119328	Nguyễn	Ánh	N18TPM3	9	7	6	6		6.3	V	0.0	Không	
80	1813119330	Phạm Ngọc	Bảo	N18TPM3	10	7	7	6		6.7	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
81	1813119333	Phạm Thành	Công	N18TPM3	10	7	7	7		7.0	5	6.1	Sáu phẩy	
82	1813119334	Võ Văn	Công	N18TPM3	9	7	7	6		6.7	3	0.0	Không	
83	1813119335	Nguyễn Mạnh	Cường	N18TPM3	7	5	5	6		5.3	5	5.3	Năm phẩy Ba	
84	1813119342	Lại Quốc	Đại	N18TPM3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
85	1813119343	Võ Quốc	Đại	N18TPM3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
86	1813119346	Trần Hoàng	Diệp	N18TPM3	7	7	6	5		6.0	5	5.5	Năm phẩy	
87	1813119348	Phạm Văn	Đô	N18TPM3	4	6	5	5		5.3	5.5	5.3	Năm phẩy Ba	
88	1813119347	Bùi Xuân	Đoài	N18TPM3	9	6	6	7		6.3	5.5	6.1	Sáu phẩy	
89	1813119338	Lê Văn	Dũ	N18TPM3	9	6	6	6		6.0	5.5	6.0	Sáu	
90	1813119341	Nguyễn Tấn	Dương	N18TPM3	7	5	5	5		5.0	6	5.8	Năm phẩy	
91	1813119354	Huỳnh Vũ	Hà	N18TPM3	7	5	5	5		5.0	4.5	0.0	Không	
92	1813119357	Huỳnh Trường	Hải	N18TPM3	9	7	6	5		6.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
93	1813119360	Phan Trọng Quang	Hiền	N18TPM3	9	7	7	7		7.0	5	6.0	Sáu	
94	1813119365	Nguyễn Chí	Hiếu	N18TPM3	8	6	7	6		6.3	3	0.0	Không	
95	1813119370	Võ Huy	Hoàng	N18TPM3	8	6	6	7		6.3	3	0.0	Không	
96	1813119376	Dương Mạnh	Hùng	N18TPM3	9	6	6	7		6.3	2.5	0.0	Không	
97	1813119381	Trần Khánh	Hưng	N18TPM3	6	5	6	5		5.3	5	5.2	Năm phẩy	
98	1813119378	Lê Nho Bảo	Huy	N18TPM3	8	7	7	7		7.0	0.5	0.0	Không	
99	1813119379	Huỳnh Bá	Huy	N18TPM3	9	7	7	7		7.0	2.5	0.0	Không	
100	1813119384	Bùi Duy	Khánh	N18TPM3	10	8	8	8		8.0	5	6.4	Sáu phẩy	
101	1813119386	Nguyễn Viết Đăng	Khoa	N18TPM3	6	5	5	6		5.3	V	0.0	Không	
102	1813119388	Trần Ngọc	Khôi	N18TPM3	9	7	7	7		7.0	5	6.0	Sáu	
103	1813119392	Mai Văn	Linh	N18TPM3	5	5	5	6		5.3	5	5.1	Năm phẩy	
104	1813119395	Nguyễn Văn	Long	N18TPM3	9	7	7	6		6.7	1.5	0.0	Không	
105	1813119399	Hồ Hải Quân	Nam	N18TPM3	8	6	4	5		5.0	3.5	0.0	Không	
106	1813119403	Hà Anh	Nghĩa	N18TPM3	9	7	6	5		6.0	5	5.7	Năm phẩy	
107	1813119406	Trần Xuân	Ngọc	N18TPM3	8	7	6	6		6.3	5	5.7	Năm phẩy	
108	1812119408	Nguyễn Thị Yến	Nhi	N18TPM3	4	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	
109	1813119410	Lê Văn	Nhật	N18TPM3	8	6	7	7		6.7	5.5	6.1	Sáu phẩy	
110	1813119419	Nguyễn Ngọc	Phước	N18TPM3	6	6	6	5		5.7	V	0.0	Không	
111	1813119424	Hoàng Trần Tuấn	Phương	N18TPM3	9	5	6	5		5.3	5.5	5.8	Năm phẩy	
112	1813119445	Phạm Hồng	Thái	N18TPM3	8	5	5	6		5.3	1	0.0	Không	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
113	1812119452	Dương Thị Phương Thảo	N18TPM3	10	7	7	8		7.3	8	8.0	Tám	
114	1813119462	Nguyễn Thanh Trà	N18TPM3	9	6	6	7		6.3	6	6.4	Sáu phẩy	
115	1813119464	Nguyễn Phan Minh Trí	N18TPM3	9	5	5	5		5.0	V	0.0	Không	
116	1813119375	Lê Mạnh Hùng	N18TPM3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	43	37%	
2	Số sinh viên nợ	73	63%	
TỔNG CỘNG :		116	100%	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú